

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **616/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 16/11/2018

V/v: “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Nguyễn Văn Chót.

2. Ông Dương Văn Hai.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Khánh Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 580/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2217/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Trí E, sinh năm: 1990; địa chỉ: số nhà 79/1, ấp T T, T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Hiện đang tạm trú: số nhà 49/1, ấp T Q, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Đức D, sinh năm: 1986; địa chỉ: số nhà 79/1, ấp T T, T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Thị Trí E có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa án – chị Lê Thị Trí E trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức D sống chung vợ chồng vào năm 2006, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T. Trong thời gian sống chung có sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 25/02/2011. Tài sản chung, nợ chung không có.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh D là do trong thời gian sống chung giữa chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh D không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình mà hay đi nhậu, có lúc còn đánh chị, người thân gia đình hai bên và hàng xóm xung quanh đều biết, chị và anh D đã sống ly thân đến nay hơn 03 tháng, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được.

Nên nay về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức D, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên

Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 25/02/2011 chỉ yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện tương đối đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn còn thiếu sót trong việc chưa làm rõ việc anh D hiện đang sinh sống ở đâu, có thường về địa phương hay không; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, riêng bị đơn không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trí E về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng không đặt vấn đề giải quyết do không có yêu cầu. Về con chung: Chị Trí E được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 25/02/2011 do cháu T và cháu X đều có nguyện vọng sống với chị Trí E. Ghi nhận việc chị Trí E không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt vấn đề xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Trí E có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đức D. Bị đơn Nguyễn Đức D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T T, T, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị Trí E có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, còn anh D đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh D vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trí E và anh Nguyễn Đức D sống chung vợ chồng vào năm 2006, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/3/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, giữa chị Trí E và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

cải nhau, do anh D không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình mà hay đi nhậu, có lúc còn đánh chị Trí E nên nay chị Trí E có yêu cầu ly hôn với anh D, còn anh D đều vắng mặt mỗi lần tòa triệu tập, không có lời trình bày. Tuy nhiên, qua xác minh đối với bà Châu Thị E là mẹ ruột của anh D thì được bà E cho biết là trong thời gian chị Trí E và anh D sống chung với nhau có xảy ra mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn mà lại mê cờ bạc, thường hay đi nhậu và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Trí E. Bà đã khuyên anh D sửa đổi tính tình nhiều lần nhưng không được, chị Trí E và anh D đã sống ly thân với nhau, hai con chung của chị Trí E và anh D hiện đang sống chung với chị Trí E. Nay chị Trí E có yêu cầu ly hôn với anh D thì Tòa cứ xem xét, giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Lẽ đó, có căn cứ cho thấy trong thời gian sống chung giữa chị Trí E và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Trí E và anh D đã sống ly thân được một thời gian nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn lại được, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị Trí E và anh D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên nay chị Trí E có yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi ly hôn, chị Trí E không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung: Chị Trí E yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 25/02/2011. Cháu T và X đều có nguyện vọng được sống chung với chị Trí E. Nên việc chị Trí E được trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trí E không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Trí E trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trí E trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Trí E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 177, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Trí E đối với anh Nguyễn Đức D. Chị Lê Thị Trí E được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn không đặt vấn đề xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về con chung: Chị Lê Thị Trí E được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 25/02/2011 (theo nguyện vọng của cháu Thanh T và Thanh X). Ghi nhận việc anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trí E không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trí E trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trí E trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Trí E phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018601 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Như vậy án phí chị Trí E đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND T;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, VP).

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên